

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục 97 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
mức phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Theo đề nghị của giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 08/TTr-SCT ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 97 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực An toàn thực phẩm, Kinh doanh khí, Lưu thông hàng hoá trong nước, Hoạt động xây dựng, Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

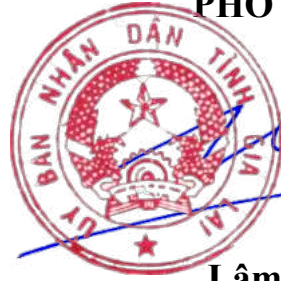
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Trung

tâm Phục vụ hành chính các xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang



DANH MỤC 97 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM, KINH DOANH KHÍ, LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ĐIỆN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 688 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
I	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (12 TTHC) <i>- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</i> <i>- Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu theo quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</i> <i>- Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ</i> <i>Cụ thể như sau:</i>			
1	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026:</i> <i>- Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 1.250.000 (đồng/lần/cơ sở).</i> <i>- Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000 (đồng/lần/cơ sở).</i> <i>Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi:</i> <i>- Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở).</i> <i>- Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng/lần/cơ sở).</i>	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 10/4/2025
2	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026:</i> <i>- Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt</i>	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 1.250.000 (đồng/lần/cơ sở). + Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000 (đồng/lần/cơ sở). - Các trường hợp khác: Không thu phí Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: - Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở). + Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng/lần/cơ sở). - Các trường hợp khác: Không thu phí	10/4/2025
3	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 1.250.000 (đồng/lần/cơ sở). Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở).	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
4	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: - Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 1.250.000	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			(đồng/lần/cơ sở). - Các trường hợp khác: Không thu phí Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: - Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, phí thẩm định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm): 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở). - Các trường hợp khác: Không thu phí	
5	2.001682	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
6	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 10.250.000 đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 20.500.000 đồng/lần/đơn vị	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
7	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
8	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 14.250.000	Quyết định số 651/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị	UBND ngày 26/6/2025
9	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 10.250.000 đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 20.500.000 đồng/lần/đơn vị	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
10	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
11	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000 (đồng/lần/cơ sở). Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng/lần/cơ sở).	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
12	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh; Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000 (đồng/lần/cơ sở). + Các trường hợp khác: Không thu phí	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh; Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, phí thẩm định đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng/lần/cơ sở). + Các trường hợp khác: Không thu phí	
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (42 TTHC) - Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí - Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ Cụ thể như sau:			
1	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
3	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
4	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
5	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
6	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
7	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
8	2.000166	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
9	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
10	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
11	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
12	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
13	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
14	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
15	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
16	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
17	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
18	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
19	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
20	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
21	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
22	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
23	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
24	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
25	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
26	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
27	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
28	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
29	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
30	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
31	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
32	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
33	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
34	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
35	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
36	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
37	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
38	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
39	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018
40	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
41	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
42	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
III	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (37 TTHC) - Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
- Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ <i>Cụ thể như sau:</i>				
1	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
2	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
3	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
4	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
5	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
6	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
7	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
8	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
9	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
10	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
11	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
12	2.000674	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 17/3/2022

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
13	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
14	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
15	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
16	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
17	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025
18	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/5/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
19	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
20	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
21	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
22	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
23	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
24	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
25	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
26	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
27	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 17/3/2022

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
28	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 23/6/2020
29	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
30	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
31	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
32	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
33	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
34	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
35	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
36	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
37	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 300.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (02 TTHC)				
1	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thẩm định thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu 100% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. (Thu phí khi có kết quả thẩm định)	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% của mức thu 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. (Thu phí khi có kết quả thẩm định)	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
2	1.013234	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu 100% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng. (Thu phí khi có kết quả thẩm định)	
V. LĨNH VỰC ĐIỆN (04 TTHC)				
1	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu phí theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. (Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ)	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/05/2025
2	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu phí theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/05/2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. (Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ)	
3	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu phí theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế.	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/05/2025
4	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: Miễn phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực do thay đổi địa chỉ trụ sở chính khi thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: Thu phí theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế. (Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ)	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05/05/2025
TỔNG SỐ: 97 TTHC				